

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/10/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD1+TD1+CLO	7:25	16+0+1	0+0+0		7+6+9	0+0+0	chuyen 2 Td1-Clo
2		MRRM+BK14+CTK3	7:25	13+0+1	0+0+0		11+1+10	0+0+0	chuyen 9 bk14-ctk3
3		MRRM+BK15+PVD1	9:25	9+4+4	0+0+0		11+0+11	0+0+0	
4		P5+BK14+PVD1	9:25	7+0+11	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 6 P5-BK14

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/10/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: PVD1 - TD1 - CLO	CREW: MTHAO - Nam - Vũ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	JAMIE NOEL TREGLOWN	PVD1	10	1	10		87	PVD DD	Australian
2	HUYNH VAN PHU	PVD1	96	1	5		74	PVD DD	Vietnamese
3	NGUYEN TUAN ANH	PVD1	14,95	2	13		78	PVD DD	Vietnamese
4	LUU VAN LOI	PVD1	19-20	2	18		72	PVDO	Vietnamese
5	NGUYEN DOAN BAO TRUNG	PVD1	100	1	3		74	PVDO	Vietnamese
6	DOAN VAN HUNG	PVD1	15	1	6		60	PVDO	Vietnamese
7	PHAM VAN DUNG (1992)	PVD1	08	1	8		75	PVDO	Vietnamese
8	BUI QUOC GIA	PVD1	12	1	11		72	PVDO	Vietnamese
9	ĐANG THÔNG TRI MÃN	PVD1	13	1	8		62	PVDO	Vietnamese
10	NGUYEN VAN NINH	PVD1	16	1	6		65	PVDO	Vietnamese
11	NGUYEN VIET THANG	PVD1	99	1	5		69	PVDO	Vietnamese
12	LE NGOC HUNG	PVD1	98	1	5		75	PVDO	Vietnamese
13	LE VAN VIET	PVD1	07,09	2	11		80	PVDO	Vietnamese
14	VU VAN TANG	PVD1	97	1	6		69	PVDO	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN TUAN	PVD1	11	1	7		74	PVDO	Vietnamese
16	NGUYEN VAN NAM	PVD1	17-18	2	22		70	DVL	Vietnamese
17	NGUYEN XUAN DONG	CLO	51,52	2	15	50	72	KH-THAC	Vietnamese
18	SADOVNICHENKO D	CLO	35	1	14		96	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	16	20	144	1.156	0	7		CHUYEN 2 PAX TD1-CLO
2	TD1	0	0	0	0	0	6+2		
3	CLO	2	3	29	168	50	9		
TOTAL		18	23	173	1.324	50	22		
WEIGHT KG				173	1.324	50			

GRAND TOAL: 1.547 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/10/2022	TO: MRM - BK14 - CTK3	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: CHIẾN - TUYẾN - HIẾU	ETA: 09:25
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SHOKHIN IGOR	MRM	34-35	2	18		100	AMNGR	Russian
2	VILISOV VIACHESLAV	MRM	36-37	2	10	10	70	AMNGR	Russian
3	MUKHAMETOV ILMIR	MRM	42	1	7		80	AMNGR	Russian
4	YAREMCHENKO TARAS	MRM	36	1	10		90	AMNGR	Russian
5	NIKULIN ALEKSANDR	MRM	30-31	2	10		82	AMNGR	Russian
6	KURSHV SERGEI	MRM	39	1	18		72	AMNGR	Russian
7	SHURUPOV PAVEL	MRM	32-33	2	18		90	AMNGR	Russian
8	BUI BA KIEN	MRM	37-38	2	18		60	BAKERHUC	Vietnamese
9	BUI XUAN THIEM	MRM	39	1	15		80	BAKERHUC	Vietnamese
10	ISKANDEROV ANDREI	MRM	43	1	7		80	KHOAN	Russian
11	LE THANH TU	MRM	40	1	10		70	DVL	Vietnamese
12	NGO THANH SON	MRM	36	1	5		72	DVL	Vietnamese
13	VU HAI THANG	MRM	41	1	7		72	DVL	Vietnamese
14	TRAN XUAN PHUC	CTK3	50-51	2	10	20	70	SANBAY	Vietnamese
15	THAI QUANG HUY	CTK3					70	SANBAY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	13	18	153	1.018	10	11		
2	BK14	0	0	0	0	20	1	9	chuyen 9 pax tu BK14 sang CTK3
3	CTK3	2	2	10	140	20	10		1 NB VE TU CTK3
TOTAL		15	20	163	1.158	50	22		
WEIGHT KG				163	1.158	50			

GRAND TOAL: 1.371 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/10/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	TO: MRM - BK15 - PVD1	CREW: MTHAO - Nam - Vũ	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NGOC NINH	MRM	78	1	14		73	DVL	Vietnamese
2	PHAM QUANG TRUNG	MRM	47	1	19		82	DVL	Vietnamese
3	ĐẠO VĂN YẾN	MRM	46	1	13		62	DVL	Vietnamese
4	NGUYEN NGOC SON	MRM	79	1	18		65	DVL	Vietnamese
5	BUI HUY BANG	MRM	80	1	17	18	67	DVL	Vietnamese
6	PHAN DINH GIAP	MRM	83	1	6		82	PSV	Vietnamese
7	PHAM NGOC QUAN	MRM	45	1	5		78	PSV	Vietnamese
8	DUONG VIET DUNG	MRM	84	1	5		60	PSV	Vietnamese
9	PHAN MINH TUNG	MRM	48	1	6		68	PSV	Vietnamese
10	TRẦN VĂN HUY	BK15	55	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM TRUNG HIẾU	BK15	59-60	2	20		78	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ VĂN TIẾP	BK15	57-58	2	16	90	72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN QUOC HUNG	BK15	56	1	10	40	69	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN MINH VUONG	PVD1	24	1	4		59	PSV	Vietnamese
15	ĐẠO VĂN TIẾN	PVD1	96-97	2	12		60	PSV	Vietnamese
16	PHẠM CÔNG BẰNG	PVD1	600	1	8		49	PSV	Vietnamese
17	LÊ VĂN NGHĨA	PVD1	99	1	6		60	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN VAN THANG	PVD1	94,98	2	20		68	BH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	9	9	103	637	18	11		
2	BK15	4	6	58	297	130	0		
3	PVD1	5	7	50	296	0	11		
TOTAL		18	22	211	1.230	148	22		
WEIGHT KG				211	1.230	148			

GRAND TOAL: 1.589 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/10/2022	TO: P5 - BK14 - PVD1	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: CHIẾN - TUYẾN - HIẾU	ETA: 11:45
CAM-2			

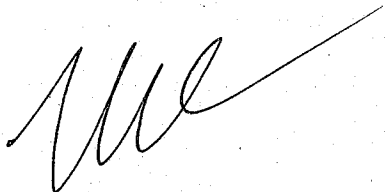
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN THĂNG	P5	52	1	5		63	NAM TIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN CÔNG QUY	P5	55	1	5		65	NAM TIEN	Vietnamese
3	PHAN ĐÌNH QUANG	P5	56-57	2	15		65	NAM TIEN	Vietnamese
4	BUI LONG KHANH	P5	50-51	2	17		70	NAM TIEN	Vietnamese
5	NGÔ SỸ TUYẾN	P5	28	1	10		72	NAM TIEN	Vietnamese
6	DƯƠNG ĐĂNG HIỆN	P5	53-54	2	12		60	NAM TIEN	Vietnamese
7	ĐẬU HOANG LONG	PVD1	86	1	10		70	PVD DD	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐOÀN	PVD1	73	1	7		70	PVD INVE	Vietnamese
9	VŨ VĂN TƯỜNG	PVD1	96	1	10	95	70	BAKERHUC	Vietnamese
10	NGUYỄN HUY QUANG	PVD1	87	1	10		75	PVD TRAIN	Vietnamese
11	LÊ QUANG NGHIỆP	PVD1	85	1	15		67	DMC-MI	Vietnamese
12	NGUYỄN DUY KIỆM	PVD1	81	1	10		74	D-HANH	Vietnamese
13	NGUYỄN VŨ ĐÌNH DUY	PVD1	78	1	10		70	DVL	Vietnamese
14	TẠ KIM HAI	PVD1	76-77	2	10		80	DVL	Vietnamese
15	NGUYỄN ANH TUÂN	PVD1	89	1	10		72	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN MẠNH KHOAN	PVD1	82-84	3	18		63	NIP1	Vietnamese
17	LÂM TÂN TOÀN	PVD1	21	1	10		70	VMI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

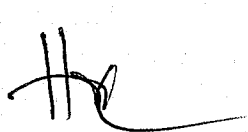
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	6	9	64	395	0	0	6	CHUYEN 6 PAX P5-BK14
2	BK14	0	0	0	0	0	0		
3	PVD1	11	14	120	781	95	22		
TOTAL		17	23	184	1.176	95	22		
WEIGHT KG				184	1.176	95			

GRAND TOAL: 1.455 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

